

**RÀ SOÁT CHI TIẾT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC NGHĨA VỤ CAM KẾT TRONG  
HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU-VN  
LĨNH VỰC: MINH BẠCH HÓA**

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| <b>I – CHƯƠNG MINH BẠCH HÓA</b>  |  |  |
| <b>ARTICLE 1<br/>DEFINITIONS</b>   |  |  |
| <p>For the purposes of this Chapter “measure of general application” includes laws, regulations, judicial decisions, procedures and administrative rulings of general application that may have an impact on any matter covered by this Agreement; and</p> | <p>Điều 2, Điều 3.1, Điều 4 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật (Luật Ban hành VBQPPL) 2015<sup>1</sup></p> <p><b>Luật ban hành VBQPPL 2015</b></p> <p><b>Điều 2 - Văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này.</p> <p>Văn bản có chứa quy phạm, pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Quy phạm pháp luật</i> là quy tắc xử sự chung, có hiệu</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>Khái niệm “các biện pháp có hiệu lực áp dụng chung” của EVFTA gần tương tự với khái niệm “quy phạm pháp luật” trong PLVN, tuy nhiên có điểm khác biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Về hình thức, cơ quan ban hành:</b> EVFTA không giới hạn ở hình thức, cơ quan ban hành biện pháp (biện pháp có thể được ban hành dưới bất kỳ hình thức nào, do bất kỳ cơ quan nào ban hành, miễn là có hiệu lực áp dụng chung). PLVN quy phạm (quy tắc xử sự có giá trị áp dụng chung) được giới hạn ở các trường hợp do các chủ thể nhất định ban hành, theo các hình thức nhất định (Điều 4 Luật Ban hành</li> </ul> |

<sup>1</sup> Luật số 80/2015/QH13 của Quốc hội ngày 22/06/2015 về ban hành văn bản quy phạm pháp luật (“**Luật ban hành VBQPPL 2015**”). Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, như vậy khi EVFTA có hiệu lực (dự kiến trong năm 2017-2018), Luật 2015 này sẽ được áp dụng. Vì vậy mặc dù Rà soát được thực hiện vào thời điểm Luật ban hành VBQPPL 2008 vẫn đang có hiệu lực nhưng các nội dung rà soát sẽ được thực hiện với Luật 2015.

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---------------|--|--|
|               | <p>lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.</p> <p>2. <i>Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật</i> là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành.</p> <p><b>Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hiến pháp.</li> <li>2. Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội.</li> <li>3. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</li> <li>4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.</li> <li>5. Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</li> <li>6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.</li> <li>8. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông</li> </ol> | <p>VBQPPL). Do đó, PLVN hẹp hơn định nghĩa của EVFTA. Tuy nhiên, ngoài các quy phạm, trong PLVN chỉ còn quyết định hành chính (không có giá trị áp dụng chung, chỉ áp dụng pháp luật trong từng trường hợp cụ thể), vì vậy mặc dù có giới hạn hẹp hơn về hình thức cơ quan ban hành, PLVN đã tương thích với EVFTA về nội dung này.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Về phạm vi:</b> EVFTA giới hạn ở các biện pháp liên quan tới các vấn đề thuộc EVFTA, trong khi PLVN không có giới hạn về phạm vi các quy phạm. Tuy nhiên, các quy tắc áp dụng cho các “quy phạm pháp luật” theo PLVN cũng đồng thời áp dụng cho các “biện pháp có giá trị áp dụng chung” của EVFTA, do đó PLVN đã tương thích với EVFTA ở vấn đề này.</li> </ul> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì từ góc độ pháp luật.</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|--|--|---|
|  | <p>tu của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.</p> <p>9. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).</p> <p>10. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>11. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.</p> <p>12. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).</p> <p>13. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>14. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).</p> <p>15. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> |   |
| <p>“interested person” means any natural or legal person that may be affected by a measure of general application.</p> | <p>Luật ban hành VBQPPL</p> <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>2. <i>Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật</i> là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành.</p>   | <p><b>Đánh giá</b></p> <p>Khái niệm “chủ thể liên quan” theo định nghĩa trong EVFTA rộng hơn khái niệm “Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của VBQPPL” của PLVN: PLVN giới hạn ở “đối tượng chịu tác động trực tiếp” trong khi EVFTA bao gồm cả chịu tác động trực tiếp</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|--|--|---|
|  |  | <p>hoặc gián tiếp.</p> <p><b>Đề xuất</b></p> <p>Khái niệm “đối tượng chịu sự tác động trực tiếp” trong Luật Ban hành VBQPPL liên quan tới nhiều bước trong quá trình soạn thảo quy phạm pháp luật (lấy ý kiến, thẩm tra, thẩm định...). Vì vậy, nếu mở rộng khái niệm này (từ đối tượng chịu sự tác động trực tiếp đến các đối tượng chịu sự tác động nói chung, bao gồm cả trực tiếp và gián tiếp) sẽ dẫn tới thay đổi cơ bản trong phạm vi các hoạt động/bước liên quan, đòi hỏi những nguồn lực lớn hơn nhiều.</p> <p>Do đó, không đề xuất điều chỉnh khái niệm này trong PLVN theo EVFTA mà chỉ điều chỉnh phạm vi áp dụng của các quy định có liên quan tới khái niệm này trong thực thi các điều khoản cụ thể liên quan trong Chương này EVFTA.</p> |
| <p><b>ARTICLE 2</b></p> <p><b>OBJECTIVE AND SCOPE</b></p> <p>Recognising the impact that regulatory environment and procedures may have on trade and investment, the Parties shall pursue a predictable regulatory environment and efficient</p> | <p><b>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.</li> <li>2. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</li> <li>3. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản</li> </ol> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PLVN không định rõ nguyên tắc về một hệ thống pháp luật “có thể dự đoán được” và “thủ tục hiệu quả” như trong EVFTA.</li> </ul> <p>Tuy nhiên, PLVN gián tiếp đề cập tới các nguyên tắc này ở mức độ thấp hơn, thông qua các nguyên tắc về “tính</p>  |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|---|--|
| <p>procedures for economic operators, especially small and medium-sized enterprises.</p> | <p>quy phạm pháp luật.</p> <p>4. Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.</p> <p>5. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>6. Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p><b>Điều 6. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>2. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác</p> | <p>minh bạch”, “tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện”, “công khai, dân chủ trong tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên quan tới vấn đề minh bạch trong xây dựng và thực thi các quy phạm, PLVN có các quy định áp dụng chung cho các chủ thể, không giới hạn ở các chủ thể kinh doanh, cũng không có nhấn mạnh riêng tới SME như trong EVFTA.</li> </ul> <p>Cần chú ý là trong EVFTA, đây là nghĩa vụ bắt buộc phải “theo đuổi” (theo nghĩa phải “hướng tới”) các mục tiêu liên quan. Do đó, một mặt nghĩa vụ này không đòi hỏi Việt Nam phải ghi nhận rõ ràng về các nguyên tắc này (nghĩa vụ về cách thứ), mặt khác yêu cầu Việt Nam phải hiện thực hóa các mục tiêu này trên thực tế (nghĩa vụ về kết quả)</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất sửa đổi pháp luật (mặc dù trong tương lai nếu Luật Ban hành VBQPPL được xem xét sửa đổi, cần chú ý bổ sung thêm nguyên tắc “có thể dự đoán trước được”)</li> <li>- Cam kết ở nội dung này tập trung vào nghĩa vụ về kết quả, vì vậy Việt Nam cần chú ý về cách thức thực thi nhằm</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
|  | <p>động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>3. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chính lý dự thảo văn bản.</p>  | <p>đảm bảo mục tiêu của EVFTA ở Điều này</p>   |
| <p><b>ARTICLE 3</b></p> <p><b>PUBLICATION</b></p>  |  |  |
| <p>1. Each Party shall ensure that measures of general application:</p> <p>(a) <b>are published</b> promptly via an officially designated medium, including where possible electronic means, in such a manner as to enable governments and interested persons to become acquainted with them; and</p> <p>(b) allow for <b>a sufficient period of time</b>, between publication and entry into force of such measures, except where not possible on grounds of urgency.</p> | <p>Điều 5, Điều 6, Điều 80, Điều 146, Điều 150 đến Điều 154 Luật ban hành VBQPPL 2015.</p> <p>Nghị định 100/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/09/2010 về Công báo (Hướng dẫn thi hành bởi Thông tư 03/2011/TT-VPCP) (Đây là văn bản hướng dẫn Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2008, nên có khả năng sẽ hết hiệu lực và được thay thế bởi các văn bản hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL 2015)</p> <p><b>Luật Ban hành VBQPPL</b></p> <p><b>Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.</p> <p>2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phải được đăng Công báo</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN đã phù hợp với cam kết tại Điều của EVFTA về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc đăng tải văn bản quy phạm (chứa quy định có hiệu lực áp dụng chung) trên các kênh chính thức; thậm chí Việt Nam đã đi xa hơn cam kết EVFTA trong việc đăng tải thông tin qua hình thức điện tử (Công báo điện tử); trên thực tế website của các Bộ ngành, UBND tỉnh cũng đăng tải các VBQPPL ngày từ trước thời điểm có hiệu lực của các văn bản này (Việt Nam đã thực hiện dù cam kết trong EVFTA về việc đăng tải điện tử là không bắt buộc)</li> <li>- Đảm bảo khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm đăng tải và thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm.</li> </ul> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp</p> |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|---|--|
|               | <p>cấp tỉnh.</p> <p>3. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải được niêm yết công khai và phải được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.</p> <p>4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai.</p> <p>Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 15 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương ban hành, 07 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt ban hành kể từ ngày nhận được văn bản.</p> <p>5. Văn bản quy phạm pháp luật đăng trên Công báo in và Công báo điện tử là văn bản chính thức và có giá trị như văn bản gốc.</p> <p>6. Chính phủ quy định về Công báo và niêm yết văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p><b>Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được <i>quy định tại văn bản</i> đó</p> | <p>luật</p>                              |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|---|--|
|               | <p>nhưng <i>không sớm hơn 45 ngày</i> kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương; <i>không sớm hơn 10 ngày</i> kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; <i>không sớm hơn 07 ngày</i> kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.</p> <p>2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.</p> <p><b>Điều 152. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước.</p> <p>2. Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy</p> |  |



| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|--|--|
|               | <p>định trách nhiệm pháp lý;</p> <p>b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.</p> <p>3. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước.</p> <p><b>Nghị định 100/2010/NĐ-CP về Công báo</b></p> <p><b>Điều 2. Chức năng của Công báo</b></p> <p>1. Công báo là ấn phẩm thông tin pháp lý chính thức của Nhà nước, do Chính phủ thống nhất quản lý, có chức năng đăng các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phối hợp ban hành, các điều ước quốc tế đã có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật khác theo quy định.</p> <p>2. Công báo gồm có Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Văn phòng Chính phủ xuất bản và Công báo cấp tỉnh do Văn phòng Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xuất bản.</p> <p><b>Điều 3. Hình thức Công báo</b></p> <p>1. Công báo được xuất bản dưới hình thức Công báo in và Công báo điện tử.</p> <p><b>Điều 13. Thời hạn đăng văn bản trên Công báo</b></p> <p>1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm đăng văn bản đó trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa</p> |  |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---|---|--|
|   | <p>Việt Nam.</p> <p>2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng văn bản đó trên Công báo cấp tỉnh.</p> <p>3. Việc đăng văn bản trên Công báo điện tử được thực hiện đồng thời với việc đăng văn bản đó trên Công báo in và từ cùng một cơ sở dữ liệu.</p>  |  |
| <p>2. Each Party shall:</p> <p>(a) endeavour to publish at an early appropriate stage any proposal to adopt or amend any measure of general application, including, upon request, an explanation of the objective of, and rationale for the proposal;</p> <p>(b) provide reasonable opportunities for interested persons to comment on any proposal to adopt or amend any measure of general application, allowing, in particular, for sufficient time for such opportunities, except where not possible on grounds of urgency; and</p> <p>(c) endeavour to take into consideration the comments received from interested persons</p> | <p>Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36, Điều 57, Điều 81.4, Điều 85, Điều 86, Điều 91, Điều 97, Điều 101, Điều 105, Điều 106, Điều 107, Điều 109, Điều 110, Điều 113, Điều 120, Điều 133, Điều 142, Điều 146, Điều 148 Luật ban hành VBQPPL 2015.</p> <p><b>Điều 6. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>2. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.</p> | <p>Đánh giá:</p> <p><b>1. Về yêu cầu đăng tải dự thảo, giải thích lý do, mục tiêu của VBQPPL</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PLVN đã tương thích với yêu cầu đăng tải dự thảo của EVFTA.</li> </ul> <p>Tuy nhiên, trên thực tế, vấn đề thời gian đăng tải “đủ sớm hợp lý” hay không còn phụ thuộc vào việc dự thảo được đăng tải có phải là dự thảo mới nhất hay không.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về việc công bố, trên cơ sở có yêu cầu, các giải trình về mục tiêu và lý do của các dự thảo</li> </ul> <p>PLVN đã đáp ứng một phần thông qua quy định về việc đăng tải Báo cáo tổng kết, đánh giá tác động khi lấy ý kiến đối với Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; đăng tải Tờ trình kèm theo dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định (suy</p> |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---|--|--|
| <p>with respect to any proposal to adopt or amend any measure of general application.</p> | <p>3. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chính lý dự thảo văn bản.</p> <p><b>Điều 36. Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh</b></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;</p> <p>b) Lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;</p> <p>c) Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử quy định tại khoản này.</p> <p><b>Điều 55. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn</b></p> | <p>đoán là các văn bản được đăng tải này có chưa các giải trình về mục tiêu, lý do của VBQPPL đề xuất xây dựng). Đối với các trường hợp này, việc đăng tải là bắt buộc, không phụ thuộc vào việc có yêu cầu gửi đến hay không;</p> <p>PLVN chưa quy định về việc đăng tải mục tiêu, lý do của VBQPPL đề xuất đối với trường hợp của các dự thảo VBQPPL còn lại (thông tư, nghị quyết của Tòa án, Hội đồng nhân dân...) theo yêu cầu.</p> <p><b>2. Về việc tạo cơ hội hợp lý và đủ thời gian cần thiết để các bên liên quan bình luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PLVN đã quy định về quy trình lấy ý kiến đối tượng “chịu sự tác động trực tiếp” đối với tất cả các dự thảo VBQPPL các cấp với các thời hạn góp ý 30-60 ngày. Thực tế việc lấy ý kiến góp ý không giới hạn ở các đối tượng chịu tác động trực tiếp mà mở ra cho tất cả các đối tượng muốn góp ý. Do đó PLVN cơ bản đã tương thích với EVFTA.</li> <li>- Tuy nhiên, trên thực tế, thời hạn góp ý có đủ hay không còn phụ thuộc vào việc dự thảo được lấy ý kiến là dự</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---------------|--|--|
|               | <p><b>thảo luận, pháp lệnh, nghị quyết</b></p> <p>3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự án, dự thảo và đăng tải dự án, dự thảo trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo; tổng hợp và nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.</p> <p><b>Điều 57. Lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết</b></p> <p>1. Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định, cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; <u>đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình</u> trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày, trừ những văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý.</p> <p>Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ</p> | <p>thảo nào (có trường hợp chỉ đăng dự thảo đầu tiên, và dù vẫn đảm bảo thời hạn góp ý như luật định nhưng vẫn không đủ thời gian cần thiết cho các chủ thể liên quan góp ý cho các dự thảo sau đó hoặc dự thảo cuối).</p> <p><b>3. Về cam kết nỗ lực xem xét, cân nhắc các ý kiến góp ý trong quá trình điều chỉnh dự thảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PLVN cơ bản đã tuân thủ yêu cầu của EVFTA (mặc dù đây chỉ là yêu cầu “nỗ lực”, không phải nghĩa vụ bắt buộc về kết quả): đối với tất cả các dự thảo đều có quy định buộc cơ quan chủ trì soạn thảo phải tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến); thậm chí đối với các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định, nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến còn phải được đăng tải công khai trên website của cơ quan đó;</li> <li>- Tuy nhiên, vấn đề tồn tại nằm ở hiệu quả thực thi các quy định về vấn đề này</li> </ul> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đối với việc đăng tải lý do, mục tiêu của dự thảo khi có yêu cầu: Đưa vào Nghị định hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL 2015 (hiện đang trong quá</li> </ol> |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---------------|--|---|
|               | <p>chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.</p> <p>2. Ngoài đăng tải đề lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này, việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý và đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức mình để Nhân dân biết.</p> <p>4. Đối với dự án, dự thảo do đại biểu Quốc hội soạn thảo, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Viện nghiên cứu lập pháp có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại Điều này.</p> <p><b>Điều 91. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị định</b></p> <p>Trong quá trình soạn thảo nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 57 của Luật này.</p> <p><b>Điều 101. Soạn thảo thông tư</b></p> <p>2. Trong quá trình soạn thảo thông tư, bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; nêu những vấn đề cần xin ý</p> | <p>trình soạn thảo) quy định về việc bắt buộc đăng tải lý do, mục tiêu của dự thảo khi đăng tải dự thảo để lấy ý kiến công chúng (có thể áp dụng chung cho mọi trường hợp, không kể là có yêu cầu hay không) đối với tất cả các dự thảo văn bản hoặc ít nhất là các dự thảo văn bản cấp dưới luật, pháp lệnh, nghị định;</p> <p>2. Chú ý vấn đề thực thi để đảm bảo cam kết trong EVFTA về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng tải sớm</li> <li>- Đảm bảo đủ thời gian góp ý cho các bên liên quan</li> <li>- Tiếp thu ý kiến góp ý</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|---|--|
|               | <p>kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ trong thời gian ít nhất là 60 ngày.</p> <p><b>Điều 105. Xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao</b></p> <p>2. Dự thảo nghị quyết được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao trong thời gian ít nhất là 60 ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.</p> <p><b>Điều 120. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết</b></p> <p>1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.</p> <p>2. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.</p> |  |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|--|---|---|
| <p><b>ARTICLE 4</b></p> <p><b>ENQUIRIES AND CONTACT POINTS</b></p>   |   |   |
| <p>1. Each Party shall, upon the entry into force of this Agreement, designate a contact point in order to ensure the effective implementation of this Agreement and to facilitate communications between the Parties on any matter covered by this Agreement.</p> | <p>Pháp luật Việt Nam chưa có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>Pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định pháp luật về điểm hỏi đáp nhằm thực thi Hiệp định EVFTA.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Trường hợp cam kết được hiểu là “thiết lập Đầu mối thông tin” đảm bảo việc thực thi hiệu quả EVFTA phục vụ cho tất cả các đối tượng: Việt Nam cần thiết lập và xây dựng cơ chế vận hành cho Đầu mối thông tin này (nếu cần thiết có thể dưới dạng một VBQPPL – ví dụ Quyết định của Thủ tướng);</li> <li>(ii) Trường hợp cam kết được hiểu là Đầu mối thông tin chỉ để phục vụ cho Chính phủ hai Bên (VN-EU): Đây không phải vấn đề của pháp luật nội địa, do đó không đề xuất gì từ góc độ pháp luật.</li> </ul> <p>Nếu kết hợp với khoản 3 Điều 4 Chương này thì nên lựa chọn cách giải thích (i) để đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm trong thực thi các quy định</p> |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|---|---|
|   |   | liên quan. Cụ thể là đề xuất xây dựng <i>01 Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA</i>  |
| <p>2. Upon request of the other Party, the contact points shall identify the office or official responsible for the matter and assist, as necessary, in facilitating communication with the requesting Party.</p>   | <p>Pháp luật Việt Nam chưa có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.</p> | <p><b>Đánh giá:</b><br/>         Đây là vấn đề không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về nội dung.<br/> <b>Đề xuất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</li> <li>- Cần chú ý đảm bảo triển khai nghĩa vụ này trong quá trình thực thi</li> </ul>  |
| <p>3. Each Party shall, within its available resources, establish or maintain appropriate mechanisms, including those provided in other chapters, for responding to enquiries from any interested person regarding any measures of general application which are proposed or in force, and how they would be applied. Enquiries may be addressed through contact points established under paragraph 1 or any other mechanism as appropriate, unless a specific mechanism is established in this</p> | <p>Pháp luật Việt Nam chưa có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.</p> | <p><b>Đánh giá</b><br/>         Pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định pháp luật về điểm hỏi đáp nhằm thực thi Hiệp định EVFTA, do đó, cũng chưa có quy định nào đảm bảo yêu cầu tại khoản này của EVFTA về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời câu hỏi từ các bên chịu tác động về bất kỳ biện pháp nào có giá trị áp dụng chung nhằm thực thi EVFTA;</li> <li>- Thiết chế/cơ chế thực hiện việc trả lời này</li> </ul> <p><b>Đề xuất</b><br/>         Kết hợp với đề xuất tại khoản 1 Điều 4, đề xuất thiết lập và xây dựng cơ chế vận hành</p> |



| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| Agreement.   |  | cho Đầu mỗi thông tin về EVFTA tại Việt Nam, phụ trách cả việc thông tin cho EU và tư vấn về các biện pháp thực thi EVFTA cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ở Việt Nam trong khuôn khổ <i>01 Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA</i>   |
| 4. Each Party shall provide for mechanisms available for interested persons seeking a solution to problems that have arisen from the application of measure of general application under this Agreement. | <p>- Luật Khiếu nại, Luật tố tụng hành chính</p> <p>- Trong phần lớn các VBQPPL Việt Nam đều có các quy định liên quan đến việc giải quyết vướng mắc phát sinh trong áp dụng các QPPL, trong đó có các QPPL thuộc các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA</p> <p>- PLVN chưa có quy định nào về việc giải quyết các vướng mắc phát sinh từ các QPPL thực thi các cam kết EVFTA</p> | <p><b>Đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ góc độ giải quyết vướng mắc thực thi pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật thuộc các lĩnh vực mà EVFTA có điều chỉnh: PLVN đã tương thích EVFTA</li> <li>- Từ góc độ giải quyết vướng mắc thực thi các cam kết EVFTA: PLVN chưa có quy định</li> </ul> <p><b>Đề xuất</b></p> <p>Đưa các quy định về cơ chế giải quyết vướng mắc trong thực thi EVFTA vào <i>Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA</i> (như đề xuất tại khoản 1, 3 Điều 4 EVFTA này)</p> |
| 5. The Parties recognise that responses provided for in this Article may not be definitive or legally binding but for information  | Pháp luật Việt Nam không có quy định pháp luật về nội dung tương ứng   | <p><b>Đánh giá</b></p> <p>PLVN chưa có quy định về vấn đề này.</p> <p><b>Đề xuất</b></p>   |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan                | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|---|---|
| purposes only.  |   | Đưa quy định về giá trị pháp lý (không chung thẩm, không bắt buộc) của các thông tin tư vấn, trả lời đưa ra bởi Đầu mỗi thông tin EVFTA trong <i>Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA</i> .   |
| 6. Each Party shall provide, upon request, an explanation of the objective of, and rationale for measures of general application. | Pháp luật Việt Nam không quy định trực tiếp | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN chưa tương thích với EVFTA về vấn đề này</p> <p><b>Đề xuất</b></p> <p>Mặc dù cam kết này nếu được áp dụng chung (cho tất cả các trường hợp) sẽ tạo ra bước tiến lớn về minh bạch cho hệ thống pháp luật Việt Nam, nếu đề xuất sửa đổi Luật Ban hành VBQPPL để đưa quy định như trong cam kết này vào PLVN thì có lẽ không khả thi bởi điều này sẽ tạo ra gánh nặng lớn cho các cơ quan thực thi (mà số lượng các cơ quan này thì rất nhiều, cả cấp trung ương và địa phương).</p> <p>Trong khi đó, phương án xây dựng quy định trong pháp luật nội địa để chỉ áp dụng cho các VBQPPL thực thi EVFTA cũng không giúp giảm bớt gánh nặng này (bởi dù số lượng VBQPPL thuộc nhóm phải thực thi có thể nhỏ, nhưng diện cơ quan ban hành không thay đổi), hơn nữa không thật khả thi từ góc độ hệ thống pháp luật (không biết xếp quy định này</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
|  |  | <p>vào Văn bản nào).</p> <p>Giải pháp khả thi và hiệu quả nhất là đưa vào Nghị định hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL (hiện đang được soạn thảo) quy định về việc cơ quan ban hành khi ban hành VBQPPL đồng thời có kèm theo Bản thuyết minh chính thức về các mục tiêu và lý do của VBQPPL được ban hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo cách này các cơ quan liên quan sẽ không phải trả lời về mục tiêu, lý do của VBQPPL theo yêu cầu của từng tổ chức, cá nhân</li> <li>- Tuy nhiên, cách này có thể sẽ không đảm bảo đầy đủ yêu cầu của EVFTA về vấn đề này ở mức độ chi tiết của thông tin (bởi EVFTA yêu cầu giải thích mục tiêu, lý do của “từng biện pháp” cụ thể, trong khi theo cách này thì là các mục tiêu, lý do chung của toàn bộ VBQPPL, mà trong VBQPPL có thể có nhiều các biện pháp khác nhau).</li> </ul> |
| <p>7. Upon request of a Party, the other Party shall promptly provide information and respond to questions pertaining to any actual or proposed measure of general application that the requesting</p> | <p>Pháp luật Việt Nam không có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN chưa tương thích. Tuy nhiên đây không phải là vấn đề của pháp luật nội địa về nội dung mà là vấn đề hợp tác, phối hợp giữa VN và EU.</p>   |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|--|--|---|
| <p>Party considers might materially affect the operation of this Agreement, regardless of whether the requesting Party has been previously notified of that measure.</p> |  | <p><b>Đề xuất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</li> <li>- Có thể đưa quy định cụ thể hóa cam kết ở khoản 7 này vào <i>Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA</i></li> </ul>   |
| <p><b>ARTICLE 5</b></p> <p><b>ADMINISTRATION OF MEASURES OF GENERAL APPLICATION</b></p>  |  |   |
| <p>Each Party shall administer in a uniform, objective, impartial and reasonable manner all measures of general application.</p>   | <p>Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật</p> <p><b>Điều 10. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.</li> <li>2. Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.</li> <li>3. Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</li> </ol> <p><b>Điều 14. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ</li> </ol> | <p><b>Đánh giá</b></p> <p>PLVN không có quy định trực tiếp về các nguyên tắc áp dụng, quản lý việc thi hành các VBQPPL mà chỉ có quy định gián tiếp về vấn đề này thông qua việc theo dõi thi hành pháp luật, trong đó có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tiêu chí theo dõi về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan, cán bộ Nhà nước; Tính thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật</li> <li>- Biện pháp xử lý kết quả theo dõi “nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---|--|--|
|   | <p>quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:</p> <p>a) Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>b) Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật;</p> <p>c) Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực;</p> <p>d) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật;</p> <p>đ) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>e) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.</p> | <p>luật”</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có nội dung nào về “tính hợp lý” trong áp dụng pháp luật</li> </ul> <p><b>Đề xuất</b></p> <p>Các nguyên tắc áp dụng (quản lý) việc áp dụng các QPPL như trong cam kết EVFTA này là hợp lý, rất có ý nghĩa nếu được áp dụng trên bình diện chung (chứ không riêng với các vấn đề thuộc phạm vi EVFTA).</p> <p>Vì vậy, đề xuất bổ sung 01 Điều về nguyên tắc thi hành pháp luật vào Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật bổ sung các nguyên tắc như nêu tại cam kết này vào Điều 10 Nghị định này (dưới hình thức các tiêu chí để theo dõi thi hành pháp luật)</p> |
| <p>Each Party, in applying such measures to particular persons, goods or services of the other Party in specific cases, shall</p> | <p>Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012</p> <p>Dự thảo Luật Ban hành Quyết định hành chính<sup>2</sup></p> <p>Các VBQPPL khác có quy định về các thủ tục hành</p>  | <p><b>Đánh giá:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Liên quan tới các thủ tục hành chính, tư pháp nhằm áp dụng pháp luật xuất phát từ yêu cầu của chính tổ chức, cá</li> </ol>   |

<sup>2</sup> Bản Dự thảo đưa ra xin ý kiến tại phiên họp thứ 41 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII, 9/2015

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| <p>(a) endeavour to provide interested persons, that are directly affected by a proceeding, with reasonable notice, <b>in accordance with its domestic procedures</b>, when a proceeding is initiated, including a description of the nature of the proceeding, a statement of the legal authority under which the proceeding is initiated and a general description of any issues in controversy;</p> | <p>chính, quyết định hành chính</p> <p>Luật Tố tụng Dân sự 2015<sup>3</sup> (đặc biệt là Điều 4.2, Điều 4.3, Điều 196, Điều 464.1, và Phần thứ tám – Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài (Từ Điều 464 đến Điều 481)</p> <p>Luật Tố tụng Hình sự 2015 (Điều 3.2 )</p> <p>Luật Tố tụng Hành chính 2015<sup>4</sup> (Chương XVIII)</p> <p>Luật Trọng tài thương mại 2010</p> | <p>nhân</p> <p>PLVN cơ bản đã tương thích với yêu cầu tại điểm này của EVFTA về việc thông báo trước cho tổ chức, cá nhân liên quan về việc bắt đầu thủ tục, về bản chất của thủ tục, đối tượng của thủ tục... (suy đoán là khi tổ chức cá nhân có yêu cầu thì họ đã biết về thủ tục liên quan)</p> <p>2. Liên quan tới các thủ tục hành chính, tư pháp nhằm áp dụng pháp luật xuất phát từ cơ quan Nhà nước hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục tố tụng: PLVN đã tương thích với EVFTA (thông qua các Thông báo về việc thụ lý vụ việc, Giấy mời, Giấy triệu tập liên quan tới tố tụng giải quyết vụ việc...)</li> <li>- Thủ tục hành chính: Trong các quy định pháp luật cụ thể có thể có các quy định về việc thông báo với một hoặc một số các nội dung như yêu cầu của EVFTA cho đương sự biết; Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính không có quy định nào về việc thông</li> </ul> |

<sup>3</sup> Luật số 92/2015/QH13 của Quốc hội ngày 25/11/2015 về Tố tụng dân sự (“**Luật Tố tụng dân sự 2015**”) (Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016)

<sup>4</sup> Luật số 93/2015/QH13 của Quốc hội ngày 25/11/2015 về Tố tụng hành chính (“**Luật Tố tụng hành chính 2015**”) (Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016)

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|--|---|
|   |  | <p>báo này.</p> <p>Tuy nhiên, do quy định tại điểm này của EVFTA nhấn mạnh yếu tố “phù hợp với thủ tục nội địa” nên Việt Nam vẫn có thể tiếp tục các quy định hiện tại mà không vi phạm cam kết này của EVFTA.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Mặc dù về nguyên tắc Việt Nam không phải sửa đổi pháp luật để thực hiện cam kết này của EVFTA, đây là một nội dung minh bạch rất có ý nghĩa với các tổ chức cá nhân trong quan hệ với các cơ quan hành chính Nhà nước.</p> <p>Vì vậy, đề xuất đưa 01 Điều về việc thông báo cho đương sự về thủ tục hành chính (với các nội dung như trong cam kết này của EVFTA) vào Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính.</p> |
| <p>(b) afford such interested persons a reasonable opportunity to present facts and arguments in support of their positions prior to any final administrative action, when time, the nature of the proceeding and the public interest permit; and</p> | <p>Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012</p> <p>Dự thảo Luật Ban hành Quyết định hành chính<sup>5</sup></p> <p>Các VBQPPL khác có quy định về các thủ tục hành chính, quyết định hành chính</p> <p><b>Luật Xử lý vi phạm hành chính</b></p> <p><b>Điều 61. Giải trình</b></p> | <p><b>Đánh giá</b></p> <p>PLVN (hiện hành hoặc dự thảo) đã quy định về việc tạo cơ hội cho người liên quan (đối tượng phải thi hành, cộng đồng...) được giải trình, nêu ý kiến... trước khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hành chính.</p> <p>Mặc dù vẫn có những trường hợp không lấy ý</p>   |

<sup>5</sup> Bản Dự thảo đưa ra xin ý kiến tại phiên họp thứ 41 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII, 9/2015

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---------------|---|--|
|               | <p>1. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.</p> <p>Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm.</p> <p>Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính tự mình hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của mình thực hiện việc giải trình bằng văn bản.</p> <p>3. Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày</p> | <p>kiến (ví dụ xử phạt hành chính dưới một mức nhất định) nhưng do cam kết EVFTA chỉ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ này “khi thời gian, tính chất của thủ tục và lợi ích công cộng cho phép” nên về nguyên tắc PLVN đã tương thích.</p> <p>Đề xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, bổ sung gì về pháp luật</li> <li>- Chú ý giữ quy định tại Điều 26, 28 Dự thảo Luật Ban hành Quyết định hành chính</li> </ul> |



| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|--|--|
|               | <p>lập biên bản vi phạm hành chính.</p> <p>Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.</p> <p>Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.</p> <p>Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì các bên phải ký vào từng tờ biên bản. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản.</p> <p><b>Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính</b></p> <p><b>Điều 26. Lấy ý kiến của đối tượng thi hành, bên thứ ba, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan</b></p> <p>1. Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành, bên thứ ba, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước, cơ quan ban hành quyết định hành chính có trách nhiệm:</p> <p>a) Tạo điều kiện cho đối tượng thi hành quyết định hành</p> |  |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|--|--|
|               | <p>chính, bên thứ ba có ý kiến bằng văn bản hoặc được trình bày trực tiếp nếu người đó có yêu cầu;</p> <p>b) Tạo điều kiện cho đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba, có ý kiến bằng văn bản có chữ ký của những người liên quan hoặc trình bày ý kiến trực tiếp của người đại diện được chỉ định đối với quyết định hành chính bất lợi đối với nhiều người;</p> <p>c) Trường hợp cần thiết có thể tổ chức cuộc họp có sự tham gia của tổ chức, cá nhân liên quan trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi đối với nhiều người.</p> <p>Đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người đại diện trình bày ý kiến của mình.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật quy định việc ban hành quyết định hành chính phải lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn thì cơ quan ban hành quyết định phải tổ chức lấy ý kiến theo quy định của pháp luật.</p> <p>Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải trả lời trong thời hạn yêu cầu; trường hợp cơ quan, tổ chức không gửi ý kiến hoặc không gửi trong thời hạn yêu cầu thì ý kiến đó không được xem xét.</p> <p>3. Ý kiến tham vấn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải được cơ quan ban hành quyết định hành chính tổng hợp, giải trình về việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến và gửi cùng với hồ sơ trình ký ban hành quyết định hành chính.</p> |  |

| Cam kết EVFTA                      | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|------------------------------------|---|--|
|                                    | <p><b>Điều 28. Tham vấn ý kiến cộng đồng</b></p> <p>1. Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính có liên quan đến lợi ích công cộng, căn cứ vào nội dung, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của quyết định hành chính, cơ quan ban hành quyết định hành chính tổ chức lấy ý kiến người dân tại cộng đồng, các chuyên gia, nhà khoa học, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.</p> <p>2. Việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn, phiếu góp ý, tổ chức cuộc họp lấy ý kiến, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với đối tượng được lấy ý kiến.</p> <p>3. Cơ quan ban hành quyết định hành chính phải dành ít nhất 20 (hai mươi) ngày để đăng tải dự thảo quyết định hành chính và các hồ sơ, tài liệu liên quan trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành quyết định hành chính hoặc niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan. Hồ sơ, tài liệu phải nêu rõ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn, mục đích ban hành quyết định hành chính.</p> <p>4. Cơ quan ban hành quyết định hành chính có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn.</p> |  |
| (c) ensure that its procedures are | PLVN  | <b>Đánh giá</b>                          |

| <b>Cam kết EVFTA</b>   | <b>Pháp luật Việt Nam liên quan</b>   | <b>Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp</b>   |
|--|---|---|
| <p>based on and in accordance with its domestic law.</p>   |   | <p>Về nguyên tắc, các thủ tục pháp luật hành chính và tổ tụng hiện đều phải căn cứ vào quy định pháp luật liên quan. Do đó, PLVN về nguyên tắc đã tương thích với cam kết này của EVFTA.</p> <p>Tuy nhiên, cần chú ý rằng cam kết của EVFTA ở đây còn nhấn mạnh tới việc đảm bảo tuân thủ pháp luật trong thực thi các thủ tục trên thực tế (chứ không chỉ vấn đề quy định về thủ tục trong văn bản pháp luật).</p> <p><b>Đề xuất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</li> <li>- Để thực thi thực chất yêu cầu này của EVFTA, cần chú ý kiểm soát đảm bảo các thủ tục tổ tụng và hành chính tuân thủ các quy định pháp luật liên quan</li> </ul> |
| <p><b>ARTICLE 6</b><br/><b>REVIEW AND APPEAL</b></p>   |   |   |
| <p>1. Each Party shall establish or maintain, in accordance with its domestic law, judicial, arbitral or administrative tribunals or procedures for the purpose of the prompt review and, where warranted, correction of</p> | <p><b>Luật khiếu nại 2011</b><br/><i>Điều 3. Áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại</i></p> <p>1. Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế</p> | <p><b>Đánh giá</b></p> <p>PLVN hiện hành đã có quy định phù hợp với các yêu cầu cam kết tại khoản 1 Điều 6 về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ chế khiếu nại, khiếu kiện để xem xét lại/sửa các quyết định hành chính, trong đó có các quyết định liên quan tới các vấn đề thuộc</li> </ul>   |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|--|---|---|
| <p>administrative action relating to matters covered by this Agreement. Such tribunals and its procedures shall be impartial and independent of the office or authority entrusted with administrative enforcement and shall not have any substantial interest in the outcome of the matter</p> | <p>mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.</p> <p><b>Điều 7. Trình tự khiếu nại</b></p> <p>- Người khiếu nại <u>khiếu nại lần đầu</u> đến <u>người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án</u> theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.</p> <p>- Trường hợp người khiếu nại <u>không đồng ý</u> với quyết định giải quyết lần đầu hoặc <u>quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết</u> thì có quyền <u>khiếu nại lần hai</u> đến Thủ trưởng <u>cấp trên trực tiếp</u> của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc <u>khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án</u> theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.</p> <p>- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền <u>khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án</u> theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.</p> <p><b>Luật Tổ tụng hành chính</b></p> <p>Điều 28. Những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án</p> <p>1. Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang</p> | <p>phạm vi của EVFTA</p> <p>- Các cơ chế này (cùng với các thủ tục tố tụng chi tiết) đã cho phép bảo đảm khách quan, độc lập giữa cơ quan xem xét khiếu nại, khiếu kiện với cơ quan ra quyết định hành chính liên quan</p> <p><b>Đề xuất</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p> |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|---|--|
|               | <p>tính nội bộ của cơ quan, tổ chức.</p> <p><b>Điều 163. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử</b></p> <p>1. Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan.</p> <p>2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:</p> <p>a) Bác yêu cầu khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật;</p> <p>b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên bố một số hoặc toàn bộ các hành vi hành chính là trái pháp luật; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật;</p> <p>d) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy quyết định kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật; buộc người đứng đầu cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trái pháp</p> |  |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
|  | <p>luật; buộc cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh giải quyết lại vụ việc theo quy định của Luật cạnh tranh;</p> <p>e) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện; buộc cơ quan lập danh sách cử tri sửa đổi, bổ sung danh sách cử tri theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Buộc cơ quan, tổ chức bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức bị xâm phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trái pháp luật gây ra;</p> <p>h) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước.</p> |  |
| <p>2. Each Party shall ensure that, in any such tribunals or procedures, the parties to the proceeding are provided with the right to:</p> <p>(a) a reasonable opportunity to support or defend their respective positions; and</p> <p>(b) a decision based on the evidence and submissions of record or, where required by its domestic</p> | <p><b>Luật Tổ tụng Hành chính 2015</b> (đặc biệt là các Điều 18, Điều 19, Điều 78, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 194, Điều 242)</p> <p><b>Điều 78. Xác minh, thu thập chứng cứ</b></p> <p>1. Trường hợp xét thấy chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hành chính chưa đủ cơ sở để giải quyết thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung chứng cứ.</p> <p>2. Trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được</p>  | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN đã tương thích với cam kết tại khoản 2 Điều 6 này của EVFTA</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất sửa đổi luật</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|--|--|--|
| <p>law, the record compiled by the administrative authority.</p> | <p>chứng cứ và có yêu cầu hoặc xét thấy cần thiết, Toà án có thể tự mình hoặc ủy thác tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ các tình tiết của vụ án.</p> <p>3. Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Toà án xác minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Trường hợp kháng nghị bản án, quyết định của Toà án, Viện kiểm sát có thể tự mình thu thập hồ sơ, tài liệu, vật chứng trong quá trình giải quyết vụ án.</p> <p>4. Các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Lấy lời khai của đương sự;</li> <li>b) Lấy lời khai người làm chứng;</li> <li>c) Đối chất;</li> <li>d) Xem xét, thẩm định tại chỗ;</li> <li>đ) Trưng cầu giám định;</li> <li>e) Quyết định định giá tài sản, thẩm định giá tài sản;</li> <li>g) Ủy thác thu thập chứng cứ;</li> <li>h) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ.</li> </ul> <p><b>Điều 9. Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền</b></p> <p>Cá nhân, cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn cho đương sự, Toà án, Viện kiểm sát tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lý khi có yêu cầu của đương sự, Toà án, Viện kiểm sát; trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản cho</p> |  |



| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|--|--|
|               | <p>đương sự, Toà án, Viện kiểm sát biết và nêu rõ lý do của việc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ.</p> <p><b>Luật Khiếu nại 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành</b></p> <p><b>Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại</b></p> <p>1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:</p> <p>g) Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó;</p> <p><b>Điều 30. Tổ chức đối thoại</b></p> <p>1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ.</p> <p>2. Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại.</p> <p>3. Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của</p> |  |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|--|---|
|   | <p>mình.</p> <p>4. Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại.</p> <p>5. Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.</p> <p><b>Điều 39. Tổ chức đối thoại lần hai</b></p> <p>Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại. Việc tổ chức đối thoại lần hai thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật này.</p> |   |
| <p>3. Each Party shall ensure, subject to appeal or further review as provided for in its domestic law, that such decision shall be implemented by, and shall govern the practice of, the office or authority with respect to the administrative action at issue.</p> | <p>Chương XIX – Thủ tục thi hành bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính Luật Tố tụng hành chính 2015</p> <p>Mục 1 và Mục 4 Chương III Giải quyết khiếu nại Luật Khiếu nại 2011</p>  | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN đã tương thích với yêu cầu tại khoản 3 Điều 6 này của EVFTA.</p> <p>Tuy nhiên, cần chú ý là cam kết ở đây của EVFTA không chỉ nhấn mạnh yêu cầu đối với quy định pháp luật nội địa mà còn yêu cầu về thực thi quyết định giải quyết khiếu nại, khiếu kiện hành chính bởi cơ quan đã ban hành quyết định hành chính liên quan.</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|---|--|
|  |   | <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p>  |
| <p><b>ARTICLE 7</b></p> <p><b>GOOD REGULATORY PRACTICE AND ADMINISTRATIVE BEHAVIOUR</b></p>  |   |  |
| <p>1. The Parties agree to co-operate in promoting regulatory quality and performance, including through exchange of information and best practices on their respective regulatory reform processes and regulatory impact assessments.</p> | <p>Luật Ban hành VBQPPL</p>   | <p><b>Đánh giá</b></p> <p>Đây là vấn đề hợp tác giữa cơ quan có thẩm quyền của EU và VN, không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa</p> <p><b>Đề xuất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật;</li> <li>- Chú ý vấn đề triển khai thực thi giữa các cơ quan có liên quan</li> </ul> |
| <p>2. The Parties subscribe to the principles of good administrative behaviour and agree to co-operate in promoting such principles, including through exchange of information and best practices.</p>                                     | <p>Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính</p> <p><b>Điều 3. Nguyên tắc ban hành quyết định hành chính</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của quyết định hành chính.</li> <li>2. Bảo đảm tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự,</li> </ol> | <p><b>Đánh giá</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. PLVN không có quy định về việc thực hiện các nguyên tắc ứng xử tốt hành chính (mặc dù vẫn có các tuyên bố trong các Nghị quyết, văn bản liên quan tới cải cách thủ tục hành chính).</li> </ol>  |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|---|---|
|   | <p>thủ tục ban hành quyết định hành chính.</p> <p>3. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</p> <p>4. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan và công bằng trong quá trình ban hành quyết định hành chính.</p> | <p>Tuy nhiên cam kết ở đây của EVFTA không buộc Việt Nam phải quy định vấn đề này mà chỉ “subscribe” (ghi nhận và thực hiện)</p> <p>2. Về việc hợp tác trong thúc đẩy các nguyên tắc ứng xử hành chính: Đây là vấn đề hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền của EU và VN, không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</li> <li>- Chú ý việc triển khai cam kết này thông qua việc phối hợp với phía EU (đặc biệt trong việc trao đổi thông tin và thực tiễn tốt)</li> </ul> |
| <p><b>ARTICLE 8</b></p> <p><b>SPECIFIC RULES</b></p> <p>The provisions of this Chapter shall apply without prejudice to any specific rules established in other Chapters of this Agreement.</p> | <p>Xem chi tiết tại Phần II – Các điều khoản về minh bạch hóa trong các chương khác của Hiệp định EVFTA</p>   | <p>Xem chi tiết tại Phần II – Các điều khoản về minh bạch hóa trong các chương khác của Hiệp định EVFTA</p>   |
| <p><b>II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ MINH BẠCH HÓA TRONG CÁC CHƯƠNG KHÁC CỦA HIỆP ĐỊNH EVFTA</b></p>  |   |   |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| <p><b>CHAPTER NATIONAL TREATMENT AND MARKET ACCESS FOR GOODS</b></p> <p><b>ARTICLE 13: IMPORT AND EXPORT RESTRICTIONS</b></p> <p>1. Except as otherwise provided in this Agreement, neither Party may adopt or maintain any prohibition or restriction on the importation of any good of the other Party or on the exportation or sale for export of any good destined for the territory of the other Party, in accordance with Article XI of the GATT 1994, including its Notes and Supplementary Provisions. To this end, Article XI of the GATT 1994, its Notes and Supplementary Provisions are incorporated into and made a part of this Agreement.</p> <p>5. Each Party shall ensure the transparency of any import and export restrictions not prohibited in paragraph 1.</p> | <p>Điều 3, Điều 5, Điều 10 Nghị định 187/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/11/2013 về Quy định chi tiết thi hành luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.</p> <p>Thông tư 04/2014/TT-BCT của Bộ Công thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 187/2013/NĐ-CP</p> <p>Luật Ban hành VBQPPL (các Điều về việc đăng tải VBQPPL)</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN đã tương thích với cam kết EVFTA về vấn đề này</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p> |
| <p><b>CHAPTER NATIONAL TREATMENT AND MARKET ACCESS FOR GOODS</b></p>   |  | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>Khoản 2 Điều 18 này của EVFTA là vấn đề hợp tác hành chính giữa EU-VN, không phải</p>   |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---|---|--|
| <p><b>ARTICLE 18: STATE TRADING ENTERPRISES</b></p> <p>1. The Parties affirm their existing rights and obligations under GATT Article XVII, its Notes and Supplementary Provisions and the WTO Understanding on the Interpretation of Article XVII of the GATT 1994, which are hereby incorporated into and made part of this Agreement.</p> <p>2. Insofar as one of the Parties requests information of the other Party on individual cases of state trading enterprises and on their operations, including information on their bilateral trade, the requested Party shall ensure transparency in line with the rules set out in GATT Article XVII.4 (d) on confidential information.</p> |   | <p>vấn đề điều chỉnh bởi pháp luật nội địa về nội dung.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p>  |
| <p><b>CHAPTER TRADE REMEDIES</b></p> <p><b>Article 2: Transparency</b></p> <p>1. Both Parties agree that trade remedies should be used in full compliance with the relevant WTO requirements and should be based</p>  | <p>Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 29/4/2004 về việc chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (được hướng dẫn bởi Nghị định 90/2005/NĐ-CP)</p> <p>Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 20/8/2004 về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (được hướng dẫn bởi</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PLVN đã tương thích với yêu cầu tại Điều 2 Chương Phòng vệ thương mại này của EVFTA ngoại trừ yêu cầu tại khoản 2 về việc công khai đầy đủ và có ý nghĩa tất cả các thông tin sự việc và các đánh giá làm cơ sở có việc ra</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|--|--|---|
| <p>on a fair and transparent system.</p> <p>2. Both Parties shall ensure, immediately after any imposition of provisional measures and in any case before final determination is made, full and meaningful disclosure of all essential facts and considerations which form the basis for the decision to apply measures. This is without prejudice to Article 6.5 of the WTO Agreement on Implementation of Article VI of GATT 1994 and Article 12.4 of the WTO Agreement on Subsidies and Countervailing Measures. Disclosures shall be made in writing, and allow interested parties sufficient time to make their comments.</p> <p>3. Provided it does not unnecessarily delay the conduct of the investigation, each interested party shall be granted the possibility to be heard in order to express their views during trade remedies investigations.</p> | <p>Nghị định 89/2005/NĐ-CP)</p> <p>Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 25/5/2002 về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam (được hướng dẫn bởi Nghị định 150/2003/NĐ-CP)</p> <p><b>Pháp lệnh về chống bán phá giá</b></p> <p><b>Điều 17. Kết luận sơ bộ</b></p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày có quyết định điều tra, cơ quan điều tra công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này; trường hợp đặc biệt, thời hạn công bố kết luận sơ bộ có thể được gia hạn nhưng không quá sáu mươi ngày.</p> <p>2. Kết luận sơ bộ và các căn cứ chính để kết luận sơ bộ phải được thông báo bằng phương thức thích hợp cho các bên liên quan đến quá trình điều tra.</p> <p><b>Điều 18. Kết luận cuối cùng</b></p> <p>1. Khi kết thúc quá trình điều tra, cơ quan điều tra công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.</p> <p>2. Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để kết luận cuối cùng phải được thông báo bằng phương thức thích hợp cho các bên liên quan đến quá trình điều tra.</p> <p><b>Nghị định 90/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh về chống bán phá giá</b></p> | <p>quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ đủ sớm để các bên liên quan có thể bình luận (PLVN đã có quy định về việc công khai các thông tin này, nhưng là trong văn bản chứa kết luận chứ không phải trước khi ban hành kết luận).</p> <p>- Trên thực tế, trong các vụ việc phòng vệ thương mại đã thực hiện ở Việt Nam, cơ quan điều tra (Cục quản lý cạnh tranh – Bộ Công thương) đã thực hiện việc cung cấp các thông tin này cho các bên liên quan biết và bình luận.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Sửa đổi các Nghị định hướng dẫn 03 Pháp lệnh về các biện pháp phòng vệ thương mại để bổ sung 01 Điều quy định về vấn đề này.</p> |

| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|---|--|
|               | <p><b>Điều 31. Kết luận sơ bộ</b></p> <p>1. Trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá, Cơ quan điều tra công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Chống bán phá giá; trong trường hợp đặc biệt, thời hạn công bố kết luận sơ bộ có thể được gia hạn nhưng không quá 60 ngày.</p> <p>2. Kết luận sơ bộ phải được thông báo công khai bằng phương thức thích hợp và phải bao gồm những nội dung sau đây:</p> <p>e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc bán phá giá hàng hoá nhập khẩu được mô tả tại điểm b khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước; hoặc các thông tin, chứng cứ chứng minh việc chậm áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước và khó có thể khắc phục được;</p> <p><b>Điều 33. Kết luận cuối cùng</b></p> <p>2. Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để đưa ra kết luận cuối cùng phải được thông báo công khai bằng phương thức thích hợp và phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc bán phá giá hàng hoá nhập khẩu được mô tả tại điểm b khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;</p> |  |



| Cam kết EVFTA | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|---------------|--|--|
|               | <p><b>Điều 29.</b> Tham vấn trong điều tra</p> <p>1. Căn cứ vào thời gian tổ chức phiên tham vấn nêu trong quyết định điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá, Cơ quan điều tra sẽ tổ chức phiên tham vấn công khai với các bên liên quan và phân công ít nhất 03 Điều tra viên, trong đó có 01 Điều tra viên làm Chủ tọa để điều hành phiên tham vấn.</p> <p>2. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức phiên tham vấn, các bên liên quan phải gửi văn bản đăng ký tham gia phiên tham vấn cho Cơ quan điều tra, trong đó nêu rõ những vấn đề cần tham vấn kèm theo lập luận bằng văn bản.</p> <p>3. Trình tự tiến hành tham vấn:</p> <p>b) Người yêu cầu, Người bị yêu cầu trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền lần lượt trình bày trực tiếp bằng lời nói các chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống bán phá giá. Thời gian cho mỗi bên trình bày không quá 90 phút;</p> <p>c) Người yêu cầu, Người bị yêu cầu trao nội dung bài phát biểu quy định tại điểm b khoản này bằng văn bản cho Chủ tọa;</p> <p>d) Các bên liên quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này có quyền trao văn bản trình bày quan điểm liên quan đến vụ việc chống bán phá giá của mình cho Chủ tọa;</p> <p>đ) Chủ tọa, các Điều tra viên đặt câu hỏi và nghe Người yêu cầu, Người bị yêu cầu hoặc đại diện hợp pháp của họ</p> |  |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp                                      |
|--|--|---|
|  | <p>trả lời. Thời gian hỏi và trả lời dành cho mỗi bên không quá 60 phút. Toàn bộ nội dung này sẽ được ghi vào biên bản tham vấn;</p> <p>4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc tính từ ngày tổ chức tham vấn, các bên liên quan có quyền gửi văn bản trình bày thêm quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống bán phá giá cho Cơ quan điều tra.</p> <p>5. Toàn bộ nội dung tham vấn, bao gồm văn bản trình bày của các bên và biên bản tham vấn được Cơ quan điều tra công bố công khai.</p> <p>6. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có thể tổ chức phiên tham vấn kín khi có yêu cầu của Người yêu cầu hoặc Người bị yêu cầu. Thành phần tham gia phiên tham vấn kín sẽ được Cơ quan điều tra xem xét quyết định trên cơ sở yêu cầu của bên yêu cầu tham vấn kín.</p> |   |
| <p><b>CHAPTER CUSTOM AND TRADE FACILITATION</b></p> <p><b>Article 8 - Transparency</b></p> <p><b>Article 14 – Review and Appeal</b></p> <p><b>Article 15 – Relation with Business Community</b></p> <p><b>Other Articles containing provision on publication</b></p> |  | <p>Xem Rà soát cụ thể đối với Chương Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|--|--|---|
| <p><b>CHAPTER TECHNICAL BARIERS TO TRADE</b></p> <p><b>ARTICLE 7: TRANSPARENCY</b></p> <p>The Parties acknowledge the importance of transparency with regard to the preparation, adoption and application of standards, technical regulations and conformity assessment procedures. In this regard, the Parties reaffirm their transparency obligations under the TBT Agreement, and agree:</p> <p>(a) to take the other Party's views into account where a part of the process of developing a technical regulation is open to public consultation, and on request to provide written responses in a timely manner to the comments made by the other Party;</p> | <p>Điều 6.3, Điều 13, Điều 17, Điều 32 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006.<sup>6</sup> (Được hướng dẫn bởi Nghị định 127/2007/NĐ-CP, và Nghị định 67/2009/NĐ-CP)</p> <p>Điều 11, Điều 83 Luật ban hành VBQPPL 2015</p> <p>PLVN không có quy định về quy trình tiếp nhận, tiếp thu và phản hồi bình luận cho đối tác EU</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Về việc lấy ý kiến công chúng đối với các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (TBT bắt buộc áp dụng)</li> </ol> <p>Trong hệ thống pháp luật VN, các quy chuẩn kỹ thuật không được quy định trực tiếp trong VBQPPL, mà được quy định trong văn bản quy định chi tiết (thường dưới dạng Quyết định của Bộ trưởng). Thủ tục đối với việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật không có quy định về việc phải tham vấn và lấy ý kiến công chúng. Tuy nhiên, đây không phải là nghĩa vụ bắt buộc theo EVFTA. Hơn nữa, trên thực tế, dù không bắt buộc nhiều dự thảo quy định về các quy chuẩn kỹ thuật vẫn lấy ý kiến công chúng. Do đó, PLVN đã tương thích với EVFTA về vấn đề này</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Về việc tiếp thu, phản hồi các bình luận của EU đối với các dự thảo TBT Việt Nam: Đây là vấn đề thuộc về hợp tác giữa EU-VN, không phải vấn đề của pháp luật nội địa.</li> </ol> <p><b>Đề xuất:</b></p> |

<sup>6</sup> Luật số 68/2006/QH11 của Quốc hội ngày 29/06/2006 về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (“**Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006**”)

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|--|---|
|   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</li> <li>- Chú ý quy định về cơ chế phản hồi các bình luận của EU về các dự thảo TBT theo đúng yêu cầu của EVFTA trong một Quy chế nội bộ của các Bộ liên quan;</li> </ul>   |
| <p>(b) to ensure that economic operators and other interested persons of the other Party are allowed to participate in any formal public consultation process concerning the development of technical regulations, on terms no less favourable than those accorded to its own legal or natural persons;</p> | <p>Luật Ban hành VBQPPL</p>  | <p><b>Đánh giá:</b><br/>PLVN đã tương thích với cam kết này của EVFTA</p> <p><b>Đề xuất:</b><br/>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p>  |
| <p>(c) further to Article 4.1(a), in cases where impact assessments are carried out, to inform the other Party, upon request, of the outcome of the impact assessment of the proposed technical regulation;</p>   | <p>Luật Ban hành VBQPPL</p> <p>Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg ngày 26/05/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại</p> <p>PLVN không có quy định về việc thông báo kết quả đánh giá tác động của dự thảo TBT theo yêu cầu của EU</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Về việc đánh giá tác động<br/>PLVN đã tương thích với yêu cầu của Hiệp định trừ trường hợp quy chuẩn kỹ thuật được quy định trong một văn bản không phải VBQPPL (do đó không tuân thủ quy trình của Luật Ban hành VBQPPL). Tuy nhiên, do đây không phải nghĩa vụ bắt buộc, nên pháp luật Việt Nam đã phù hợp với điều khoản này.</li> <li>2. Về việc thông báo cho EU về kết quả</li> </ol> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan  | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|---|--|
|  |   | <p>đánh giá tác động khi được yêu cầu: PLVN chưa quy định, tuy nhiên đây là vấn đề hợp tác về thông tin giữa hai Bên, không phải vấn đề thuộc pháp luật nội địa về nội dung.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</li> <li>- Bổ sung quy định về vấn đề này trong Quyết định 114/2005/QĐ-TTg hoặc vào Văn bản điều chỉnh hoạt động nội bộ của Văn phòng TBT Việt Nam</li> </ul>   |
| <p>(d) when making notifications in accordance with Article 2.9.2 or 5.6.2 of the TBT Agreement, to:</p> <p>(i) allow in principle at least 60 days following the notification for the other Party to provide comments in writing to the proposal; where practicable, to give appropriate consideration to reasonable requests for extending the comment period;</p> <p>(ii) provide the electronic version of the notified text with the notification;</p> <p>(iii) provide, in case the notified</p> | <p>Luật Ban hành VBQPPL</p> <p>Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật 2006 và các văn bản hướng dẫn</p> <p>Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg ngày 26/05/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại</p> <p><b>Điều 2. Nghĩa vụ về minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định TBT</b></p> <p>Những nghĩa vụ minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định TBT mà Việt Nam cam kết thực hiện bao gồm:</p> <p>1. Thông báo cho các nước thành viên thông qua Ban thư ký của WTO về những văn bản pháp quy kỹ thuật và quy</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN đã có quy định về vấn đề này và về cơ bản đã tương thích với yêu cầu của EVFTA. Tuy nhiên các quy định hiện tại chỉ dưới dạng nhắc lại các nghĩa vụ theo Hiệp định TBT của WTO và không có chi tiết hóa cách thức thực hiện.</p> <p>Tuy nhiên, đây là vấn đề thuộc về quy trình phối hợp giữa VN và các nước (trong đó có EU), không phải vấn đề của pháp luật nội địa về nội dung</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật áp dụng trong nội địa;</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| <p>text is not in one of the official WTO languages, a detailed and comprehensive description of the content of the measure in the notification format;</p> <p>(iv) reply in writing to written comments received from the other Party on the proposal, no later than the date of publication of the final technical regulation or conformity assessment procedure;</p> <p>(v) provide information on the adoption and the entry into force of the notified measure and the adopted final text through an addendum to the original notification.</p> | <p>trình đánh giá sự phù hợp ở dạng dự thảo hoặc đã có hiệu lực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành, có khả năng tạo ra những hàng rào kỹ thuật trong thương mại giữa Việt Nam với các nước thành viên của WTO; đồng thời, xử lý và có ý kiến về các thông báo nhận được của các nước thành viên nhằm đảm bảo các biện pháp kỹ thuật mà các nước đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng không hạn chế thương mại của Việt Nam với các nước đó.</p> <p>Thông báo dự thảo các văn bản pháp quy kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp nói trên phải được gửi trong thời gian ít nhất 60 ngày trước khi ban hành.</p> <p>Thông báo được thực hiện theo mẫu biểu thống nhất do Ủy ban TBT của WTO quy định bằng một trong 3 ngôn ngữ Anh, Pháp và Tây Ban Nha.</p> <p>2. Tiếp nhận và chuyển tải các câu hỏi hoặc câu trả lời của các nước cũng như các câu trả lời hoặc câu hỏi của Việt Nam đến các địa chỉ cần thiết, đáp ứng nhu cầu thông tin và minh bạch hóa của các nước thành viên WTO và Việt Nam về hàng rào kỹ thuật.</p> | <p>- Cân nhắc bổ sung 01 Điều quy định cụ thể về các nghĩa vụ này trong Quyết định 114/2005/QĐ-TTg hoặc vào Văn bản điều chỉnh hoạt động nội bộ của Văn phòng TBT Việt Nam</p> |
| <p>(e) allow sufficient time between the publication of technical regulations and their entry into force for economic operators of the other Party to adapt, except where urgent problems of safety, health, environmental protection or national security arise or threaten</p>   | <p>Luật Ban hành VBQPPL</p>  | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>Pháp luật Việt Nam đã phù hợp với quy định tại điều khoản này.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p>  |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|--|---|
| to arise;   |  |   |
| (f) ensure that all technical regulations and mandatory conformity assessment procedures adopted and in force are publicly available on official websites, and free of charge;  | Luật Ban hành VBQPPL   | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN đã đáp ứng yêu cầu tại điều khoản này của EVFTA trừ trường hợp biện pháp TBT được quy định trong văn bản không phải là VBQPPL (do đó không phải tuân thủ yêu cầu công khai của Luật này)</p> <p>Tuy nhiên, trên thực tế, các biện pháp TBT đang có hiệu lực của Việt Nam đều đã được công khai miễn phí trên website của Bộ Khoa học Công nghệ, các Sở KH-CN và Văn phòng TBT</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p> |
| (g) ensure that the TBT Enquiry Point provides information and answers in one of the official WTO languages to reasonable enquiries from the other Party or from interested parties of the other Party on adopted technical regulations, conformity assessment procedures | Điều 2 Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg ngày 26/05/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN đã tương thích với điều khoản này của EVFTA</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p>   |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|--|---|
| and standards   |  |   |
| <p><b>CHAPTER SANITARY AND PHYTOSANITARY MEASURES</b></p> <p><b>Article</b></p> <p><b>Transparency and Exchange of Information</b></p> <p>1. The Parties shall:</p> <p>(a) pursue transparency as regards SPS measures applicable to trade;</p> <p>(b) enhance mutual understanding of each Party's SPS measures and their application;</p> <p>(c) exchange information on matters related to the development and application of SPS measures, including the progress on new available scientific evidence, that affect, or may affect, trade between the Parties with a view to minimising their negative trade effects;</p> <p>(d) upon request of a Party, communicate the import requirements that apply for the import of specific products within</p> | <p>Quyết định 04/2008/QĐ-BNNPTNT</p> <p>Điều 4. Nghĩa vụ về minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định SPS</p> <p>1. Thông báo cho các nước thành viên thông qua Ban Thư ký WTO về các biện pháp SPS theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Quy chế này; các dự thảo xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản do các cơ quan nhà nước thẩm quyền của Việt Nam ban hành có khả năng tạo ra các rào cản trong thương mại giữa Việt Nam với các thành viên của WTO, đồng thời xem xét và có ý kiến đối với thông báo nhận được của các nước thành viên nhằm đảm bảo các biện pháp SPS mà các nước đã, đang hoặc sẽ áp dụng không hạn chế thương mại của Việt Nam với các nước đó.</p> <p>a. Thời hạn thông báo dự thảo về các biện pháp SPS để lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan có liên quan trong nước và các nước thành viên WTO theo quy định ít nhất là 60 ngày. Thời hạn tham vấn có thể được gia hạn theo yêu cầu của nước thành viên trước khi tổng hợp, ban hành, trừ trường hợp khẩn cấp liên quan đến sức khỏe, an toàn, bảo vệ môi trường và an ninh quốc gia, trong trường hợp này sẽ áp dụng theo quy định tại khoản 2 phụ lục B của Hiệp định SPS;</p> <p>b. Thông báo được thể hiện bằng một trong 03 ngôn ngữ là tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha theo biểu mẫu thống nhất theo quy định của Ủy ban SPS thuộc WTO.</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>PLVN không có quy định về các biện pháp trao đổi thông tin liên quan tới việc áp dụng (mà chỉ có liên quan tới việc xây dựng dự thảo) các SPS, phối hợp trong cấp phép SPS, thông tin về các yêu cầu nhập khẩu liên quan... như trong Điều này của EVFTA</p> <p>Tuy nhiên, đây là vấn đề thuộc về quy trình phối hợp/hợp tác giữa VN và EU, không phải vấn đề của pháp luật nội địa về nội dung</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật nội địa về nội dung</li> <li>- Bổ sung các quy định theo các yêu cầu tại Điều này của EVFTA vào Quyết định 04/2008/QĐ-BNNPTNT hoặc Văn bản về quy chế hoạt động nội bộ của Văn phòng SPS để đảm bảo việc thực thi đầy đủ.</li> </ul> |



| <b>Cam kết EVFTA</b>  | <b>Pháp luật Việt Nam liên quan</b>  | <b>Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp</b>   |
|---|--|---|
| <p>fifteen working days ; and</p> <p>(e) upon request of a Party, communicate progress on the application for the authorisation of specific products within fifteen working days.</p> <p>2. When the information pursuant to paragraph 1 has been made available by notification to the WTO in accordance with its relevant rules and procedures or when the above information has been made available on the official, publicly accessible and fee free web-sites of the Parties, the information exchange shall be considered to have taken place.</p> <p>3. All notifications under this Chapter shall be made to the contact points referred to under Article (Competent authorities and contact points).</p> | <p>2. Tiếp nhận, xử lý và chuyển các câu hỏi hoặc trả lời của các nước thành viên WTO cũng như các câu hỏi hoặc trả lời của Việt Nam về các biện pháp SPS đã, đang và sẽ áp dụng đến các nước thành viên, đáp ứng nhu cầu thông tin và nghĩa vụ minh bạch hóa trong Hiệp định SPS.</p> |   |
| <p><b>CHAPTER ON GOVERNMENT PROCUREMENT</b></p> <p><b>Article XVIII Domestic Review</b></p> <p>1. Each Party shall maintain, establish or designate at least one</p>  | <p>PL khiếu nại hành chính</p> <p>PL tố tụng hành chính,</p> <p>Điều 91, Điều 92 Luật đấu thầu</p> <p>Nghị định 63/2014/NĐ-CP</p>  | <p><b>Đánh giá tính tương thích:</b></p> <p><i>1. Về cơ chế cho việc khiếu nại, giải quyết kiến nghị với cáo buộc vi phạm Hiệp định</i></p> <p>Hiện PLVN không có quy định cho phép</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| <p>impartial administrative or judicial authority that is independent of its procuring entities to review, in a non- discriminatory, timely, transparent and effective manner, a challenge by a supplier of:</p> <p>(a) a breach of this Chapter;or</p> <p>(b) where the supplier does not have a right to challenge directly a breach of this Chapter under the domestic law of a Party, a failure of a procuring entity to comply with a Party's measures implementing this Chapter, arising in the context of a covered procurement, in which the supplier has, or has had, an interest. The procedural rules for all challenges shall be in writing and made generally available.</p> <p>2. In the event of a complaint by a supplier, arising in the context of covered procurement in which the supplier has, or has had, an interest, that there has been a breach or a failure as referred to in paragraph 1, the Party of the procuring entity conducting the procurement shall encourage, where appropriate, the</p> | <p style="text-align: center; opacity: 0.5; font-size: 48px; font-weight: bold;">DRAFT</p> | <p> khiếu nại khiếu kiện trực tiếp đối với các cáo buộc vi phạm các điều khoản của các Cam kết quốc tế mà chỉ có quy định đối với trường hợp cáo buộc vi phạm PL nội địa. Tuy nhiên do các cam kết quốc tế đều phải được nội luật hóa vào PL nội địa nên yêu cầu của Hiệp định tại khoản 1 đã thỏa mãn.</p> <p>Cụ thể, PL đấu thầu VN đã quy định cơ chế giải quyết kiến nghị đấu thầu bởi Hội đồng tư vấn, PL khiếu nại hành chính và tổ tụng hành chính cũng đã quy định về cơ chế khiếu hành chính để cơ quan cấp trên (khiếu nại lần 2) và cơ chế tổ tụng tại Tòa, với các quy định đảm bảo tính khách quan, độc lập với cơ quan mua sắm như yêu cầu trong Hiệp định.</p> <p style="text-align: center;"><b>2. Về thủ tục tham vấn, giải quyết khiếu nại bởi/với cơ quan mua sắm</b></p> <p>PL đấu thầu đã quy định về cơ chế xử lý các kiến nghị/khiếu nại trực tiếp tại cơ quan mua sắm, khi có kiến nghị trong quá trình đấu thầu đảm bảo các yêu cầu minh bạch, kịp thời, khách quan như yêu cầu của Hiệp định. Tuy nhiên thủ tục này không phải là <b>hình thức tham vấn</b> như nêu trong Khoản 2 của Hiệp định. Mặc dù vậy, Hiệp định nêu nghĩa vụ này chỉ phải thực hiện “nếu thích hợp” – tức là không bắt buộc). Do đó PLVN được xem là đã thỏa mãn Hiệp định.</p> |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|------------------------------|---|
| <p>entity and the supplier to seek resolution of the complaint through consultations. The entity shall accord impartial and timely consideration to any such complaint in a manner that is not prejudicial to the supplier's participation in ongoing or future procurement or its right to seek corrective measures under the administrative or judicial review procedure. Each Party or its procuring entities shall make information on such complaint mechanisms generally available.</p> <p>3. Each supplier shall be allowed a sufficient period of time to prepare and submit a challenge, which in no case shall be less than 10 days from the time when the basis of the challenge became known or reasonably should have become known to the supplier.</p> <p>4. Where a body other than an authority referred to in paragraph 1 initially reviews a challenge, the Party shall ensure that the supplier may appeal the initial decision to</p> |                              | <p><b>3. Về việc đảm bảo khách quan trong giải quyết</b></p> <p>- Về quy trình tại khiếu nại tại cơ quan mua sắm:</p> <p>PL đấu thầu quy định thời hạn đối với kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu là 10 ngày, vì vậy đã thỏa mãn Hiệp định;</p> <p>PL đấu thầu không quy định thời hạn kiến nghị đối với các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu nhưng giới hạn là trước khi có thông báo kết quả chọn thầu;</p> <p>- Về quy trình khiếu nại, khiếu kiện hành chính</p> <p>PLVN về thời hiệu khiếu nại, khiếu kiện hành chính đều rất dài (90 ngày đối với khiếu nại, 1 năm đối với khiếu kiện...) vì vậy đã thỏa mãn khoản 3 Hiệp định.</p> <p><b>4. Về khả năng khiếu kiện tiếp/phúc thẩm vụ việc</b></p> <p>PLVN về khiếu nại, khiếu kiện hành chính đã quy định các thủ tục khiếu nại hành chính (khiếu nại lần 2) và khiếu kiện (tổ tụng tại Tòa án) cho phép xem xét lại quyết định xử lý vụ việc lần đầu bởi các cơ quan độc lập với cơ quan mua sắm theo cách thức thỏa mãn yêu cầu tại Khoản 4, 5 Hiệp định.</p> <p>Tuy nhiên, PL về đấu thầu về quy trình giải</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan   | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| <p>an impartial administrative or judicial authority that is independent of the procuring entity whose procurement is the subject of the challenge.</p> <p>5. Each Party shall ensure that a review body that is not a court shall have its decision subject to judicial review or have procedures that provide that:</p> <p>(a) the procuring entity shall respond in writing to the challenge and disclose all relevant documents to the review body;</p> <p>(b) the participants to the proceedings (hereinafter referred to as "participants") shall have the right to be heard prior to a decision of the review body being made on the challenge;</p> <p>(c) the participants shall have the right to be represented and accompanied;</p> <p>(d) the participants shall have access to all proceedings; and</p> <p>(e) the review body shall make its decisions on a supplier's challenge in a timely fashion, in writing, and</p> | <p style="text-align: center; font-size: 48px; opacity: 0.2; transform: rotate(-30deg);">DRAFT</p> | <p>quyết kiến nghị đấu thầu bởi Hội đồng tư vấn mới chỉ quy định về quyền của Hội đồng yêu cầu các bên cung cấp thông tin chứ chưa có quy định đáp ứng các yêu cầu tại khoản 5 Hiệp định, đặc biệt là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- nghĩa vụ trả lời bằng văn bản và cung cấp tài liệu liên quan cho Hội đồng</li> <li>- quyền của các bên liên quan được trình bày trước Hội đồng trước khi Hội đồng ra quyết định</li> <li>- quyền được tham gia quy trình giải quyết kiến nghị của các bên liên quan</li> </ul> <p><b>5. Về các biện pháp nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà thầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về các biện pháp tạm thời</li> </ul> <p>PLVN về đấu thầu đã có quy định về khả năng tạm dừng quy trình thầu trong quá trình xem xét kiến nghị (bởi Hội đồng tư vấn) trong trường hợp cần thiết phù hợp với yêu cầu tại điểm a khoản 7 Hiệp định. Tuy nhiên, trong khi Hiệp định cho phép được tính đến các yếu tố khác như lợi ích của các bên liên quan, lợi ích công cộng khi quyết định như vậy thì PLVN chỉ quy định rất chung, trao toàn bộ quyền cho Hội đồng tư vấn khi quyết định tạm dừng quy trình thầu (chỉ cần xét thấy “cần thiết”). Tuy đây không phải là quyền của VN theo Hiệp định nhưng có ý nghĩa trong</p> |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---|------------------------------|--|
| <p>shall include an explanation of the basis for each decision .</p> <p>7.Each Party shall adopt or maintain procedures that provide for:</p> <p>(a) rapid interim measures,pending the resolution of a challenge, to preserve the supplier's opportunity to participate in the procurement.Such interim measures may result in suspension of the procurement process. The procedures may provide that overriding adverse consequences for the interests concerned, including the public interest, may be taken into account when deciding whether such measures should be applied.Just cause for not acting shall be provided in writing; and</p> <p>(b) where a review body has determined that there has been a breach or a failure as referred to in paragraph 1, corrective action or compensationfor the loss or damages suffered. The compensationmay be limited to either the costs reasonably incurred</p> |                              | <p>bảo vệ lợi ích công cộng và vì vậy VN nên cân nhắc áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về các biện pháp xử lý kiến nghị, khiếu nại</li> </ul> <p>Quy định “trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có), đồng thời bộ phận thường trực giúp việc có trách nhiệm yêu cầu các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên đới chi trả cho nhà thầu có kiến nghị số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp cho Hội đồng tư vấn.” Quy định này chưa hoàn toàn phù hợp với nội dung tại Khoản 7 Hiệp định.</p> <p><b>Đề xuất giải pháp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các yêu cầu của tại khoản 1,2,3,4: Không đề xuất điều chỉnh gì</li> <li>- Đối với các yêu cầu tại khoản 5,7: Sửa PL về đấu thầu (áp dụng chung) để bổ sung các yêu cầu của Hiệp định (vì đây là các yêu cầu hợp lý, chi tiết, thuận lợi cho nhà thầu và khả thi từ góc độ cơ quan có thẩm quyền).</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan                                      | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|---|---|--|
| inthe preparation of the tender or in bringing the challenge, or both.  |   |  |
| <p><b>SECTION III: STATE OWNED ENTERPRISES, ENTERPRISES GRANTED SPECIAL RIGHTS OR PRIVILEGES AND MONOPOLIES</b></p> <p><b>Article 6 Transparency</b></p> <p>1. A Party which has reasonable reason to believe that its interests under this Section are being adversely affected by the commercial activities of an enterprise or enterprises defined in Article 1 of the other Party and subject to the scope of this Section as defined in Article 2 may request in written form that Party to supply information about the operations of that enterprise related to the carrying out of the provisions of this Section. Requests for such information shall indicate the enterprise, the products/services and markets concerned, and include indications that the enterprise is engaging in practices</p> | <p>Pháp luật Việt Nam không có quy định tương ứng về nội dung</p> | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>Đây là quy định về việc hợp tác trong thông tin về các doanh nghiệp nhà nước và độ quyền giữa VN-EU, không phải vấn đề thuộc pháp luật nội địa về nội dung.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật nội địa chung</li> <li>- Bổ sung quy định về các cam kết này trong Văn bản riêng thực thi EVFTA về Doanh nghiệp Nhà nước</li> </ul> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|--|------------------------------|--|
| <p>that hinder trade or investment between the Parties. For the EU, the provisions of Paragraph 1(a) to (e) do not apply to enterprises which qualify as small or medium-sized enterprises as defined in the European Union law.</p> <p>This information includes the following:</p> <p>(a) the ownership and the voting structure of the enterprise, indicating the percentage of shares and the percentage of voting rights that a Party and/or an enterprise defined in Article 1 cumulatively own;</p> <p>(b) a description of any special shares or special voting or other rights that a Party and/or an enterprise defined in Article 1 hold, where such rights differ from the rights attached to the general common shares of such entity;</p> <p>(c) the organisational structure of the enterprise, the composition of its board of directors or of an equivalent body exercising direct or indirect control in such an</p> |                              |  |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp |
|--|------------------------------|--|
| <p>enterprise; and cross-holdings and other links with different enterprises or groups of enterprises, as defined in Article 1;</p> <p>(d) a description of which government departments or public bodies regulate and/or monitor the enterprise, a description of the reporting lines<sup>7</sup>, and the rights and practices of the government or any public bodies in the appointment, dismissal or remuneration of managers;</p> <p>(e) annual revenue or total assets, or both;</p> <p>(f) exemptions, non-conforming measures, immunities and any other measures, including more favourable treatment, applicable in the territory of the requested Party to any enterprise defined in Article 1.</p> <p>2. A Party has the right to ask the other Party additional information regarding the calculations on the revenue threshold in Article 2(4).</p> |                              |  |

<sup>7</sup> For greater certainty, a Party is not obliged to divulge reports or the contents of any reports.



| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan                                      | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|---|--|
| <p>3. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not require any Party to disclose confidential information which would be inconsistent with its laws and regulations, impede law enforcement or otherwise be contrary to the public interest or would prejudice the legitimate commercial interests of particular enterprises.</p>  |   |  |
| <p><b>Competition Policy Chapter</b><br/> <b>SECTION II: SUBSIDIES</b><br/> <b>Article x.4 Transparency</b><br/> (1) Each Party shall ensure transparency in the area of specific subsidies. To this end, each Party shall notify every four years the legal basis, form, amount or budget and where possible the recipient of the specific subsidy.<br/> (2) Such notification is deemed to have been fulfilled if the relevant information is made available by the Parties or on their behalf on a publicly accessible website, as from 31 December of the subsequent calendar year. The first notification shall be made available</p> | <p>Pháp luật Việt Nam không có quy định tương ứng về nội dung</p> | <p><b>Đánh giá:</b><br/> Đây là vấn đề hợp tác/phối hợp về thông tin giữa EU-VN, không phải vấn đề điều chỉnh bởi pháp luật nội địa về nội dung.</p> <p><b>Đề xuất:</b><br/> Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p> |

| Cam kết EVFTA  | Pháp luật Việt Nam liên quan                               | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp   |
|--|--|--|
| no later than 4 years after the entry into force of this agreement.  |  |  |
| <p><b>CHAPTER INTELLECTUAL PROPERTY</b></p> <p><b>Article 6.10 - Co-operation and transparency</b></p> <p>1. The Parties shall, either directly or through the {Joint Committee} established pursuant to Article 6.11, maintain contact on all matters relating to the implementation and the functioning of this Article. In particular, a Party may request from the other Party information relating to product specifications and their amendment and relevant contact points for control or management.</p> <p>2. Each Party may make publicly available the specifications or a summary thereof and relevant contact points for control or management corresponding to geographical indications of the other Party protected pursuant to this Article.</p> | Pháp luật Việt Nam không có quy định tương ứng về nội dung | <p><b>Đánh giá:</b></p> <p>Đây là vấn đề hợp tác/phối hợp về thông tin giữa EU-VN, không phải vấn đề điều chỉnh bởi pháp luật nội địa về nội dung.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p> |
| <b>TRADE AND SUSTAINABLE</b>   | Luật Ban hành VBQPPL                                       | <b>Đánh giá:</b>   |

| Cam kết EVFTA   | Pháp luật Việt Nam liên quan | Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp  |
|---|------------------------------|---|
| <p><b>DEVELOPMENT</b></p> <p><b>Article 12</b></p> <p>Transparency</p> <p>Each Party, in accordance with its domestic laws and Chapter [...] [Transparency], shall ensure that any measures aimed at protecting the environment and labour conditions that may affect trade or investment are developed, introduced and implemented in a transparent manner, with due notice and giving the opportunity to interested persons to provide their views.</p> |                              | <p>PLVN đã tương thích với EVFTA về vấn đề này.</p> <p><b>Đề xuất:</b></p> <p>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật</p> |